

**BIỂU ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN ĐỔI SỐ NĂM 2023**

(Kèm theo Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị tính: đồng

| STT      | Đơn vị  | Nhiệm vụ  | Kinh phí ngân sách tỉnh đã bố trí năm 2023 | Số kinh phí giải ngân năm 2023 | Số kinh phí không giải ngân được |
|----------|---|---|--|--------------------------------|----------------------------------|
| 1        | 2   | 3   | 4  | 5                              | 6 = 4 - 5                        |
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>  |   | <b>67.766.709.000</b>                      | <b>26.622.164.095</b>          | <b>41.144.544.905</b>            |
| <b>I</b> | <b>Nhiệm vụ chuyển tiếp, nhiệm vụ triển khai thường xuyên</b> |   | <b>34.335.709.000</b>                      | <b>17.913.770.582</b>          | <b>16.421.938.418</b>            |
| 1        | Sở Xây dựng   |   | 1.198.000.000                              | 550.000.000                    | 648.000.000                      |
| -        |   | Quản lý, giám sát quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị tỉnh Bắc Kạn (bao gồm thuê phần mềm nền tảng phục vụ hoạt động ứng dụng CNTT quản lý, phân tích dữ liệu giám sát vệ tinh, đồng bộ CSDL quy hoạch lên cổng thông tin điện tử và phần mềm một cửa) | 1.198.000.000                              | 550.000.000                    | 648.000.000                      |
| 2        | Sở Công Thương  |   | 3.194.000.000                              | 3.111.199.582                  | 82.800.418                       |
| -        |   | Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Công Thương tỉnh Bắc Kạn   | 3.194.000.000                              | 3.111.199.582                  | 82.800.418                       |
| 3        | Sở Giáo dục và Đào tạo  |   | 990.000.000                                | 990.000.000                    | 0                                |
| -        |   | Duy trì thuê hệ thống Quản lý chất lượng giáo dục   | 990.000.000                                | 990.000.000                    | 0                                |
| 4        | Ban Dân tộc tỉnh  |   | 894.000.000                                | 884.787.000                    | 9.213.000                        |
| -        |   | Xây dựng "Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bắc Kạn"  | 894.000.000                                | 884.787.000                    | 9.213.000                        |
| 5        | Sở Y tế   |   | 1.300.000.000                              | 0                              | 1.300.000.000                    |
| -        |   | Triển khai Hồ sơ bệnh án điện tử tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn   | 1.300.000.000                              | 0                              | 1.300.000.000                    |
| 6        | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh                                |   | 3.679.000.000                              | 0                              | 3.679.000.000                    |
| -        |   | Triển khai hệ thống Trung tâm điều hành thông minh (IOC) và Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Bắc Kạn   | 3.679.000.000                              | 0                              | 3.679.000.000                    |
| 7        | Sở Kế hoạch và Đầu tư   |   | 2.000.000.000                              | 0                              | 2.000.000.000                    |
| -        |   | Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ  | 2.000.000.000                              | 0                              | 2.000.000.000                    |
| 8        | Sở Thông tin và Truyền thông                                  |   | 14.121.309.000                             | 5.574.738.000                  | 8.546.571.000                    |
| -        |   | Triển khai mạng diện rộng (WAN) trên nền tảng mạng truyền số liệu chuyên dùng tỉnh  | 746.000.000                                | 0                              | 746.000.000                      |
| -        |   | Triển khai Trung tâm giám sát và điều hành an toàn thông tin mạng (SOC)   | 2.500.000.000                              | 0                              | 2.500.000.000                    |
| -        |   | Kế hoạch thuê dịch vụ CNTT phần mềm QLTT cán bộ, công chức, viên chức và lao động HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ  | 847.000.000                                | 0                              | 847.000.000                      |
|          |   | Hợp nhất Công dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh để tạo lập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính  | 2.000.000.000                              | 0                              | 2.000.000.000                    |
|          |   | Thuê phần mềm Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Bắc Kạn   | 2.000.000.000                              | 0                              | 2.000.000.000                    |
| -        |   | Xây dựng hệ thống quản lý, đánh giá chỉ số Chuyển đổi số (PDTI) của tỉnh  | 2.423.000.000                              | 2.411.380.000                  | 11.620.000                       |
|          |   | Thuê dịch vụ công nghệ thông tin (CNTT) đối với hệ thống điều khiển Hội nghị truyền hình trực tuyến tại điểm cầu cấp tỉnh thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đang sử dụng hiện nay đến cấp xã                           | 839.377.000                                | 839.377.000                    | 0                                |
| -        |   | Mua bộ thiết bị đầu cuối tại điểm cầu Hội trường tỉnh   | 550.000.000                                | 540.208.000                    | 9.792.000                        |
| -        |   | Hoạt động của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh  | 200.000.000                                | 197.430.000                    | 2.570.000                        |
| -        |   | Giám sát an toàn thông tin các Website của tỉnh   | 204.000.000                                | 194.000.000                    | 10.000.000                       |
| -        |   | Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin các Hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh   | 575.253.000                                | 568.016.000                    | 7.237.000                        |
| -        |   | Hoạt động diễn tập thực chiến   | 416.679.000                                | 414.600.000                    | 2.079.000                        |
| -        |   | Đào tạo, tuyên truyền nâng cao nhận thức phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số theo Đề án đào tạo nguồn nhân lực   | 350.000.000                                | 209.727.000                    | 140.273.000                      |
| -        |   | Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia và tổ chức lễ phát động ngày chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn   | 200.000.000                                | 200.000.000                    | 0                                |

| STT       | Đơn vị                                     | Nhiệm vụ   | Kinh phí ngân sách tính đã bố trí năm 2023 | Số kinh phí giải ngân năm 2023 | Số kinh phí không giải ngân được |
|-----------|--|--|--|--------------------------------|----------------------------------|
| -         |  | Đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | 270.000.000                                | 0                              | 270.000.000                      |
| <b>9</b>  | <b>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</b> |  | <b>182.000.000</b>                         | <b>174.694.000</b>             | <b>7.306.000</b>                 |
| -         |  | Xây dựng và triển khai hệ thống “Quản lý Giáo dục nghề nghiệp - Đào tạo nghề” tỉnh Bắc Kạn                         | 182.000.000                                | 174.694.000                    | 7.306.000                        |
| <b>10</b> | <b>Sở Khoa học và Công nghệ</b>            |  | <b>2.685.000.000</b>                       | <b>2.535.952.000</b>           | <b>149.048.000</b>               |
| -         |  | Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý khoa học và công nghệ tỉnh                                    | 2.685.000.000                              | 2.535.952.000                  | 149.048.000                      |
| <b>11</b> | <b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>     |  | <b>952.000.000</b>                         | <b>952.000.000</b>             | <b>0</b>                         |
| -         |  | Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ du lịch thông minh tỉnh Bắc Kạn”   | 952.000.000                                | 952.000.000                    | 0                                |
| <b>12</b> | <b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>         |  | <b>150.000.000</b>                         | <b>150.000.000</b>             | <b>0</b>                         |
| -         |  | Mua máy tính phục vụ chuyển đổi số   | 150.000.000                                | 150.000.000                    | 0                                |
| <b>13</b> | <b>Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm</b>       |  | <b>288.000.000</b>                         | <b>288.000.000</b>             | <b>0</b>                         |
| -         |  | Mua máy tính và máy scan phục vụ bộ phận một cửa cấp xã  | 288.000.000                                | 288.000.000                    | 0                                |
| <b>14</b> | <b>Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể</b>         |  | <b>432.000.000</b>                         | <b>432.000.000</b>             | <b>0</b>                         |
| -         |  | Mua máy tính và máy scan phục vụ bộ phận một cửa cấp xã  | 432.000.000                                | 432.000.000                    | 0                                |
| <b>15</b> | <b>Ủy ban nhân dân huyện Bạch</b>          |  | <b>403.200.000</b>                         | <b>403.200.000</b>             | <b>0</b>                         |
| -         |  | Mua máy tính và máy scan phục vụ bộ phận một cửa cấp xã  | 403.200.000                                | 403.200.000                    | 0                                |
| <b>16</b> | <b>Ủy ban nhân dân huyện Ngân</b>          |  | <b>288.000.000</b>                         | <b>288.000.000</b>             | <b>0</b>                         |
| -         |  | Mua máy tính và máy scan phục vụ bộ phận một cửa cấp xã  | 288.000.000                                | 288.000.000                    | 0                                |
| <b>17</b> | <b>Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn</b>       |  | <b>576.000.000</b>                         | <b>576.000.000</b>             | <b>0</b>                         |
| -         |  | Mua máy tính và máy scan phục vụ bộ phận một cửa cấp xã  | 576.000.000                                | 576.000.000                    | 0                                |
| <b>18</b> | <b>Ủy ban nhân dân huyện thành</b>         |  | <b>110.400.000</b>                         | <b>110.400.000</b>             | <b>0</b>                         |
| -         |  | Mua máy tính và máy scan phục vụ bộ phận một cửa cấp xã  | 110.400.000                                | 110.400.000                    | 0                                |
| <b>19</b> | <b>Ủy ban nhân dân huyện Na Rì</b>         |  | <b>489.600.000</b>                         | <b>489.600.000</b>             | <b>0</b>                         |
| -         |  | Mua máy tính và máy scan phục vụ bộ phận một cửa cấp xã  | 489.600.000                                | 489.600.000                    | 0                                |
| <b>20</b> | <b>Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới</b>       |  | <b>403.200.000</b>                         | <b>403.200.000</b>             | <b>0</b>                         |
| -         |  | Mua máy tính và máy scan phục vụ bộ phận một cửa cấp xã  | 403.200.000                                | 403.200.000                    | 0                                |
| <b>II</b> | <b>Nhiệm vụ mới</b>                        |  | <b>33.431.000.000</b>                      | <b>8.708.393.513</b>           | <b>24.722.606.487</b>            |
| <b>1</b>  | <b>Sở Xây dựng</b>                         |  | <b>400.000.000</b>                         | <b>0</b>                       | <b>400.000.000</b>               |
| -         |  | Hoàn thiện, cập nhật cơ sở dữ liệu công bố thông tin quy hoạch đồng bộ với công thông tin điện tử của Sở Xây dựng  | 400.000.000                                | 0                              | 400.000.000                      |
| <b>2</b>  | <b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>        |  | <b>5.360.000.000</b>                       | <b>0</b>                       | <b>5.360.000.000</b>             |
| -         |  | Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh   | 1.000.000.000                              | 0                              | 1.000.000.000                    |
| -         |  | Hệ thống điều khiển trung tâm hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh (MCU)   | 2.720.000.000                              | 0                              | 2.720.000.000                    |
| -         |  | Triển khai hệ thống Wifi công cộng trên địa bàn tỉnh   | 1.640.000.000                              | 0                              | 1.640.000.000                    |
| <b>3</b>  | <b>Sở Y tế</b>                             |  | <b>1.400.000.000</b>                       | <b>157.627.968</b>             | <b>1.242.372.032</b>             |
| -         |  | Triển khai Hồ sơ bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Bạch Thông   | 600.000.000                                | 109.927.968                    | 490.072.032                      |
| -         |  | Xây dựng kho cơ sở dữ liệu về Y tế (data lake)   | 800.000.000                                | 47.700.000                     | 752.300.000                      |
| <b>4</b>  | <b>Sở Tài chính</b>                        |  | <b>1.800.000.000</b>                       | <b>51.054.545</b>              | <b>1.748.945.455</b>             |
| -         |  | Phần mềm hệ thống thông tin tài chính chi trả các chính sách đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Bắc Kạn                   | 1.800.000.000                              | 51.054.545                     | 1.748.945.455                    |
| <b>5</b>  | <b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>              |  | <b>3.200.000.000</b>                       | <b>0</b>                       | <b>3.200.000.000</b>             |
| -         |  | Triển khai nền tảng hệ sinh thái giáo dục thông minh   | 3.200.000.000                              | 0                              | 3.200.000.000                    |
| <b>6</b>  | <b>Sở Khoa học và Công nghệ</b>            |  | <b>1.800.000.000</b>                       | <b>124.805.000</b>             | <b>1.675.195.000</b>             |
| -         |  | Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hoá trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn                                  | 1.800.000.000                              | 124.805.000                    | 1.675.195.000                    |
| <b>7</b>  | <b>Sở Nội vụ</b>                           |  | <b>2.000.000.000</b>                       | <b>0</b>                       | <b>2.000.000.000</b>             |
| -         |  | Thuê Nền tảng dùng chung Ngành Nội vụ.   | 2.000.000.000                              | 0                              | 2.000.000.000                    |
| <b>8</b>  | <b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>         |  | <b>8.351.000.000</b>                       | <b>6.951.000.000</b>           | <b>1.400.000.000</b>             |
| -         |  | Xây dựng Cơ sở dữ liệu đất đai huyện Bạch Thông và huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn                                     | 8.351.000.000                              | 6.951.000.000                  | 1.400.000.000                    |
| <b>9</b>  | <b>Sở Lao động-Thương binh và Xã</b>       |  | <b>3.000.000.000</b>                       | <b>143.906.000</b>             | <b>2.856.094.000</b>             |
| -         |  | Xây dựng CSDL ngành Lao động Thương binh Xã hội giai đoạn 1  | 3.000.000.000                              | 143.906.000                    | 2.856.094.000                    |

| STT       | Đơn vị                                 | Nhiệm vụ  | Kinh phí ngân sách tính đã bố trí năm 2023 | Số kinh phí giải ngân năm 2023 | Số kinh phí không giải ngân được |
|-----------|--|---|--|--------------------------------|----------------------------------|
| <b>10</b> | <b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b> |   | <b>3.840.000.000</b>                       | <b>0</b>                       | <b>3.840.000.000</b>             |
| -         |  | Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển du lịch   | 3.840.000.000                              | 0                              | 3.840.000.000                    |
| <b>11</b> | <b>Sở Giao thông vận tải</b>           |   | <b>1.000.000.000</b>                       | <b>0</b>                       | <b>1.000.000.000</b>             |
| -         |  | Xây dựng hệ thống kiểm soát nhận dạng phương tiện và triển khai hệ thống giám sát hành trình thông minh | 1.000.000.000                              | 0                              | 1.000.000.000                    |
| <b>12</b> | <b>Văn phòng Tỉnh ủy (Báo Bắc)</b>     |   | <b>1.280.000.000</b>                       | <b>1.280.000.000</b>           | <b>0</b>                         |
| -         |  | Đầu tư xây dựng nền tảng tòa soạn số  | 1.280.000.000                              | 1.280.000.000                  | 0                                |

Ghi chú:

Tổng số kinh phí giao thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số là 67.766.709.000 đồng bao gồm:

Số giao trong dự toán đầu năm cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023 là 4.000.000.000 đồng (đã chuyển sang cho Sở Thông tin và Truyền thông để chủ trì thực hiện);

- Số phân bổ trong dự toán đầu năm cho Sở Kế hoạch và Đầu tư từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu tại Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023 là 2.000.000.000 đồng

- Số giao bổ sung trong năm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2023 (bổ sung lần 2) là 60.864.400.000 đồng;

- Số giao bổ sung cho Sở Thông tin và Truyền thông tại Quyết định số 1715/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cấp bổ sung kinh phí cho Sở Thông tin và Truyền thông để thực hiện nhiệm vụ là 902.309.000 đồng.

**DANH MỤC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ MỚI ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN NĂM 2024**

(Kèm theo Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

| STT | Đơn vị                       | Tên nhiệm vụ  | Sự cần thiết, mục tiêu quy mô và dự kiến hiệu quả  |
|-----|------------------------------|---|--|
| 1   | Sở Thông tin và Truyền thông | Dịch vụ thu thập, phân tích và quản trị đảm bảo an toàn thông tin | <p>* Sự cần thiết: Hiện nay, các hệ thống thông tin, CSDL đều đang được triển khai theo hướng tập trung. Tuy nhiên, tình trạng tấn công có chủ đích, đặc biệt là tấn công có chủ đích vào các hệ thống phục vụ chính phủ điện tử ngày càng gia tăng và phức tạp. Việc triển khai dịch vụ thu thập, phân tích và quản trị đảm bảo an toàn thông tin tại tỉnh Bắc Kạn sẽ tăng cường tính chủ động đảm bảo an toàn cho hạ tầng và các hệ thống thông tin của tỉnh. Hạ tầng thông tin được giám sát liên tục, từ đó kịp thời phát hiện, chủ động ứng phó với các cuộc tấn công mạng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 7/6/2019 về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam, đồng thời tuân thủ các quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Thông tư số 31/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017.</p> <p>* Mục tiêu, quy mô:<br/> - Mục tiêu: Triển khai Dịch vụ thu thập, phân tích và quản trị đảm bảo an toàn thông tin tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh đảm bảo kết nối liên thông tới Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia theo các tiêu chí hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.<br/> - Quy mô: Triển khai các hệ thống phần mềm (gồm: Dịch vụ giám sát tổng thể mô hình hoạt động của toàn bộ hệ thống mạng; dịch vụ vận hành quản trị hệ thống, quản trị người dùng).<br/> Trong năm 2024, sau khi hoàn thiện việc xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin (SOC), Sở TT&amp;TT dự kiến sẽ lập Kế hoạch thuê dịch vụ CNTT đối với Dịch vụ nêu trên trong thời hạn 02 năm (2024-2026), hệ thống sẽ cùng với Trung tâm SOC của tỉnh đảm bảo ATTT cho toàn bộ các hệ thống thông tin, CSDL hiện có của tỉnh.<br/> * Dự kiến hiệu quả sử dụng: Dịch vụ sẽ thu thập, theo dõi, phát hiện, phân tích, ngăn chặn các nguy cơ, tình huống phát sinh rủi ro, bảo đảm cho toàn bộ hoạt động, thông tin của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh không bị lộ, lọt bí mật Nhà nước, giữ an toàn và không bị gián đoạn trong hoạt động.</p>   |
|     |                              | Triển khai ứng dụng Công dân số Bắc Kạn                           | <p>* Sự cần thiết: Hiện nay, cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp đang sử dụng đồng thời nhiều ứng dụng nền tảng số khác với chức năng khác nhau. Mỗi ứng dụng lại đòi hỏi việc đăng ký tài khoản cũng như cách lưu nhớ mật khẩu khác nhau dẫn đến tình trạng cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp thường bị quên mật khẩu đã đăng ký trước đó từ đó tạo cảm giác ức chế, phiền toái trong quá trình sử dụng. Để giải quyết tình trạng này, đồng thời thúc đẩy người dân, doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng các dịch vụ trực tuyến, việc triển khai ứng dụng công dân số tỉnh Bắc Kạn trên nền tảng thiết bị di động là cần thiết.</p> <p>* Mục tiêu, quy mô:<br/> - Mục tiêu: Ứng dụng được xây dựng với mục tiêu trở thành kênh giao tiếp tổng hợp chính thức và duy nhất cho việc trao đổi thông tin giữa chính quyền và người dân, doanh nghiệp; nhằm xây dựng nền hành chính phục vụ hiện đại, hiệu quả. Ứng dụng xây dựng theo hướng super App (siêu ứng dụng) được tích hợp bởi nhiều ứng dụng dịch vụ thành phần phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp với từng giao diện riêng biệt, thuận tiện trong quá trình sử dụng. Ứng dụng này sẽ giải quyết được tình trạng người dân bị rối khi có quá nhiều các ứng dụng riêng lẻ như hiện nay do đã tích hợp và hiển thị nhiều chức năng khác nhau trên cùng 1 giao diện. Ứng dụng Công dân số sẽ tăng cường quyền tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ công một cách thuận tiện, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và chi phí; góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, giảm thiểu thời gian, chi phí xử lý thủ tục hành chính; tăng cường tương tác với người dân, nắm bắt được nhu cầu, nguyện vọng của người dân, từ đó có những chính sách phù hợp; thúc đẩy xây dựng chính quyền số, phát triển công dân số.<br/> Ứng dụng còn là điểm truy cập kết nối tới các ứng dụng, cung cấp các thông tin cần thiết phục vụ người dân trong cuộc sống; là công cụ hỗ trợ, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của tỉnh Bắc Kạn. Ứng dụng cho phép người dân tra cứu các tiện ích cơ bản như: Thủ tục hành chính, hồ sơ y tế, quan trắc môi trường, đất đai,... Ngoài ra, người dân có thể tạo phản ánh trên ứng dụng cho chính quyền xử lý và theo dõi tiến độ cũng như hiệu quả công việc của chính quyền.<br/> - Quy mô: Triển khai xây dựng ứng dụng (App) công dân số; tuyên truyền, hướng dẫn cài đặt, khai thác, sử dụng đến CCVCNLD và Nhân dân trên địa bàn tỉnh.<br/> * Hiện nay đã có nhiều tỉnh, thành phố triển khai ứng dụng này, tiêu biểu như Huế-S, Thái Nguyên Smart, Tây Ninh Smart, My Ninh Bình...</p> |
| 2   | Sở Tài nguyên và Môi trường  |   |  |

| STT | Đơn vị       | Tên nhiệm vụ   | Sự cần thiết, mục tiêu quy mô và dự kiến hiệu quả   |
|-----|--------------|--|---|
|     |              | Chuyển đổi hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của Sở Tài nguyên và Môi trường sang Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh                                    | <p>* Sự cần thiết: Sở Tài nguyên và Môi trường đang quản lý, sử dụng gồm 04 hệ thống thông tin gồm: (1) Hệ thống thông tin đất đai; (2) Hệ thống thông tin môi trường; (3) Hệ thống tiếp nhận, xử lý, lưu trữ số liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải, khí thải trên địa bàn tỉnh; (4) Hệ thống Kho dữ liệu TN&amp;MT.</p> <p>Về cơ bản các hệ thống thông tin và CSDL này được xây dựng và đưa vào sử dụng đã khá lâu và chạy trên nền tảng công nghệ phiên bản cũ nên so với các yêu cầu hiện nay các phần mềm này không còn đảm bảo an toàn thông tin theo quy định, đồng thời chưa thực hiện được việc kết nối liên thông với hệ thống dịch vụ công của tỉnh, hệ thống thông tin ngành thuế để chia sẻ dữ liệu phục vụ nhiệm vụ giải quyết TTHC về đất đai trên địa bàn tỉnh. Theo đó, để khắc phục những hạn chế nêu trên cần phải thực hiện việc nâng cấp phần mềm. Năm 2024, UBND tỉnh đề xuất triển khai nâng cấp cho 02 phần mềm (01) và (04), đồng thời thực hiện việc kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin cho cả 4 hệ thống trước khi cài đặt tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh. Đối với phần mềm (2) và (3) sẽ được cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ thực hiện.</p> <p>* Mục tiêu, quy mô:<br/> - Mục tiêu: Đáp ứng yêu cầu chức năng, kết nối, chia sẻ dữ liệu đất đai hiện nay; chuyển toàn bộ phần mềm của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đang được cài đặt, vận hành tại phòng máy chủ của Sở Tài nguyên và Môi trường sang Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh do Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông tỉnh quản lý, vận hành đảm bảo việc triển khai nhiệm vụ công nghệ thông tin được tập trung, hiệu quả, an toàn.<br/> - Quy mô:<br/> + Nâng cấp, chuyển giao, cập nhật phần mềm Hệ thống thông tin đất đai và CSDL đất đai của 06/08 huyện, thành phố và cài đặt lên Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.<br/> + Nâng cấp Hệ thống Kho dữ liệu tài nguyên và môi trường.<br/> + Thực hiện thuê kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin cho 04 hệ thống để đảm bảo việc cài đặt, vận hành trên hạ tầng của Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.</p> <p>* Dự kiến hiệu quả mang lại: Nâng cấp phần mềm, CSDL đất đai đáp ứng nhu cầu kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC và tiêu chuẩn dữ liệu hiện nay; tăng cường công tác quản lý, vận hành tập trung các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của ngành tài nguyên và môi trường nhằm đảm bảo an toàn thông tin, tiết kiệm chi phí quản lý, vận hành, tiết kiệm nhân lực quản trị hệ thống</p>   |
|     |              | Cập nhật dữ liệu, chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân do thay đổi thông tin về giấy chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | <p>* Sự cần thiết: Nhằm góp phần thực hiện có hiệu quả mô hình quản lý thông tin người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thông qua CSDLQG về dân cư, VneID theo Đề án 06/CP trên địa bàn tỉnh. Đồng thời làm sạch dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu về đất đai và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; chỉnh lý thông tin theo căn cước công dân trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phục vụ cho hoạt động quản lý và nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.</p> <p>* Mục tiêu, quy mô:<br/> - Mục tiêu: Cập nhật dữ liệu trên cơ sở dữ liệu, chỉnh lý, thay đổi thông tin, căn cước công dân (thay chứng minh thư nhân dân) trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.<br/> - Quy mô: Khối lượng dự kiến khoảng 400.000 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh gồm:<br/> + Cập nhật thông tin, dữ liệu trên cơ sở dữ liệu, chỉnh lý, thay đổi thông tin, căn cước công dân (thay chứng minh thư nhân dân) trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh khi thực hiện chuyên mục đích, chuyển nhượng, góp vốn, cho thuê, thế chấp... theo quy định tại khoản 16 Điều 2 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.<br/> + Thực hiện tích hợp giấy tờ trên App VneID và khai thác thông tin chỗ ở hợp pháp trong dịch vụ công cư trú, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.<br/> + Chỉnh lý thông tin trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cập nhật vào CSDL đất đai.</p> <p>* Dự kiến hiệu quả mang lại:<br/> - Trong công tác quản lý: Tập trung thực hiện có hiệu quả mô hình quản lý thông tin người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thông qua CSDLQG về dân cư, VneID theo Đề án 06/CP trên địa bàn tỉnh; Làm sạch dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu về đất đai và bổ sung hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.<br/> - Hiện tại, khi người dân thực hiện việc thay đổi thông tin về người được cấp GCN, thì người dân cần thực hiện nghĩa vụ tài chính (lệ phí) thủ tục hành chính với mức thu là 28.000 đồng/hồ sơ (tại các phường thuộc thành phố Bắc Kạn) và 14.000 đồng/hồ sơ (tại các khu vực khác) theo quy định tại Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh. Với việc thực hiện nhiệm vụ trên, một mặt, tỉnh sẽ thực hiện được đồng bộ việc chỉnh lý thông tin theo đúng mục tiêu, mô hình của Đề án 06 trên đoàn tỉnh cho 50% giấy chứng nhận QSDĐ cần điều chỉnh hiện nay; đồng thời, miễn giảm cho người dân lệ phí giải quyết TTHC, giảm chi phí đi lại và các bước thực hiện giải quyết TTHC cho người dân. 50% giấy chứng nhận còn lại sẽ tiếp tục được xem xét, đề xuất trong giai đoạn tiếp theo.</p> |
| 3   | Công an tỉnh |  |   |
|     |              | Mua sắm máy tính, máy in, máy scan phục vụ triển khai Đề án 06   | <p>* Sự cần thiết: Từ năm 2017 đến 2019, UBND tỉnh đã cấp cho Công an tỉnh: 1.377.000.000 đồng để mua 119 bộ máy tính trang bị cho lực lượng Công an xã bán chuyên trách. Tất cả số máy trên đều có cấu hình thấp không phù hợp với yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án 06, ngoài ra, một số máy tính đã hết khấu hao, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ (lực lượng Công an đang thực hiện các nhiệm vụ trên 21 phân hệ và 92 phần mềm khác nhau trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Bên cạnh đó, còn thực hiện việc thống kê, báo cáo, rà soát, làm sạch dữ liệu chuyên ngành, tạo lập bộ dữ liệu dùng chung (gồm: Dữ liệu hộ tịch, thông tin hội Nông dân, hội Người cao tuổi, thông tin phương tiện giao thông).</p> <p>* Mục tiêu, quy mô:<br/> - Mục tiêu: Trang bị các thiết bị cho các bộ phận liên quan thực hiện Đề án 06 để thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh; cấu hình thiết bị theo hướng dẫn của Bộ TTTT, Bộ Công an.<br/> - Quy mô: Mua sắm 122 bộ máy tính, 122 máy in, 122 máy scan để trang bị cho 108 xã, phường, thị trấn; 08 đội Cảnh sát QLHC về TTXH thuộc Công an các huyện, thành phố, 3 bộ của phòng PC06 và 03 bộ cho phòng PV01 - Công an tỉnh.</p>  |

| STT | Đơn vị                       | Tên nhiệm vụ   | Sự cần thiết, mục tiêu quy mô và dự kiến hiệu quả   |
|-----|------------------------------|--|---|
|     |                              | Đào tạo phục vụ triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06   | <p>* Sự cần thiết: Nhằm góp phần tập trung thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Đề án 06; Chỉ thị số 05/CT-TTg, Chỉ thị số 26-CT/TU ngày 28/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh.</p> <p>* Mục tiêu, quy mô:</p> <p>- Mục tiêu: Nâng cao kiến thức, hỗ trợ cho cán bộ chiến sĩ triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 trong lĩnh vực chuyển đổi số hướng tới đóng góp nâng cao nhận thức Đề án 06 thúc đẩy chuyển đổi số trong cộng đồng.</p> <p>- Quy mô: Tổ chức tập huấn cho lãnh đạo, cán bộ chiến sĩ tham mưu hoặc trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 nói riêng, chuyển đổi số nói chung (dự kiến 240 người trong thời gian 3 ngày) với nội dung: Tổng quan chuyển đổi số, các dịch vụ công thiết yếu, các công nghệ thiết yếu phục vụ công tác chuyển đổi số, nâng cao nhận thức đảm bảo an ninh an toàn thông tin trong không gian số; tập huấn việc khai thác, sử dụng các dịch vụ công của lực lượng Công an.</p>  |
| 4   | <b>Sở Công thương</b>        |  |   |
|     |                              | Nâng cao năng lực về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại | <p>* Sự cần thiết: Trong thời gian vừa qua, hoạt động xúc tiến thương mại (XTTM) của tỉnh đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ song cách thức tiếp cận thị trường của các doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX), cơ sở sản xuất kinh doanh với yêu cầu mới, hiện đại (thương mại điện tử, xúc tiến thương mại và các nền tảng công nghệ số) còn nhiều hạn chế. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số của các doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất kinh doanh chưa được chú trọng quan tâm, đầu tư, áp dụng. Theo đó, việc nâng cao năng lực về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại là cần thiết.</p> <p>* Mục tiêu, quy mô:</p> <p>- Mục tiêu: Nâng cao nhận thức, tuyên truyền phổ biến ứng dụng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong XTTM tại tỉnh Bắc Kạn; hỗ trợ một số doanh nghiệp tham gia các sàn thương mại điện tử.</p> <p>- Quy mô:</p> <p>+ Tổ chức 01 lớp cho đối tượng là cán bộ QLNN, các thương nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh, với quy mô khoảng 150 đại biểu;</p> <p>+ Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh tham gia vào hệ sinh thái xúc tiến thương mại: Tham gia hệ thống ngành hàng, các nền tảng số, mạng lưới thông tin và các dịch vụ trả phí trên hệ thống; Hỗ trợ khoảng 10 đơn vị tham gia các sàn thương mại điện tử, nền tảng số.</p>   |
| 5   | <b>Sở Nội vụ</b>             |  |   |
|     |                              | Số hóa tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Bắc Kạn                                     | <p>* Sự cần thiết: Nhiệm vụ Số hóa tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Bắc Kạn sẽ giải quyết được vấn đề cấp bách về bảo vệ, bảo quản an toàn bản gốc tài liệu ngay cả trong tình huống xấu xảy ra, bảo tồn được di sản văn hóa của dân tộc và của địa phương. Tài liệu số hóa sẽ giúp việc lưu trữ, truy xuất, chia sẻ, tìm kiếm thông tin một cách dễ dàng, tạo điều kiện thuận tiện trong công tác quản lý, bảo quản, bảo vệ, khai thác và sử dụng tài liệu lưu trữ với một ngân hàng dữ liệu số, giúp giảm tối đa chi phí cho việc quản lý tài liệu lưu trữ. Việc số hóa tài liệu lưu trữ sẽ mở rộng và thuận tiện hơn cho nhiều đối tượng cần khai thác và sử dụng phục vụ lợi ích phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương, qua đó góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Ngoài ra số hóa dữ liệu giúp chúng ta có thể chỉnh sửa và tái sử dụng tài liệu, linh hoạt trong việc chuyển đổi sang các dạng tài liệu số khác nhau. Theo báo cáo của Sở Nội vụ, nhiều tỉnh/thành phố trong cả nước đã triển khai nội dung trên.</p> <p>* Mục tiêu, quy mô:</p> <p>- Mục tiêu: Chuyển phương thức hoạt động của lưu trữ truyền thống sang lưu trữ điện tử; Xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm phục vụ quản lý, điều hành, tác nghiệp và cung cấp thông tin phục vụ tra cứu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>- Quy mô: Thực hiện số hóa 13 phòng lưu trữ tương đương 120 mét giá tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 1950-2011 với 375.637 văn bản bằng 1.126.910 trang (chiếm 30% tổng số tài liệu trong kho lưu trữ lịch sử).</p> <p>* Dự kiến hiệu quả mang lại:</p> <p>- Giảm thiểu diện tích, không gian để lưu trữ tài liệu so với phương pháp lưu trữ tài liệu giấy truyền thống; giúp việc bảo quản, duy trì thông tin và dữ liệu được lâu hơn tránh được triệt để vấn đề mất mát hay thất lạc thông tin. Tài liệu số hóa tạo một ngân hàng dữ liệu số, giúp các cơ quan, đơn vị cập nhật thông tin tài liệu một cách dễ dàng, phục vụ quá trình trích xuất, tìm kiếm thông tin một cách nhanh chóng, thuận lợi, nâng cao hiệu quả việc thực hiện chứng thực số.</p> <p>- Là cơ sở dữ liệu chính thức và tổng quan cho người dân, doanh nghiệp có tra cứu tài liệu một cách nhanh chóng, chính xác, giảm được thời gian, chi phí đi lại, tra tìm tài liệu.</p> <p>* Định hướng của Bộ ngành và sự triển khai của các tỉnh, thành phố khác: Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020 - 2025”. Hiện nay một số tỉnh, thành phố đã triển khai và mang lại hiệu quả như: Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên.</p> |
| 6   | <b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b> |  |   |

| STT | Đơn vị | Tên nhiệm vụ                                | Sự cần thiết, mục tiêu quy mô và dự kiến hiệu quả  |
|-----|--------|---|--|
|     |        | Hệ thống quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản | <p>* Sự cần thiết: Hiện nay, Sở KH&amp;ĐT chưa có hệ thống thông tin chuyên ngành để phục vụ công tác quản lý dự án đầu tư công sử dụng nguồn vốn NSNN. Hiện nay các số liệu phục vụ quá trình quản lý chủ yếu sử dụng số liệu do Kho bạc Nhà nước cung cấp (sử dụng qua hệ thống TABMIS). Tuy nhiên, số liệu này chỉ đáp ứng được một phần nhỏ cho công tác quản lý của Sở KH&amp;ĐT, mặc dù Bộ KH&amp;ĐT đã triển khai phần mềm theo dõi giám sát và đánh giá dự án đầu tư công tuy nhiên qua thực tế sử dụng, phần mềm này cũng chưa đáp ứng được nhu cầu quản lý, sử dụng của Sở. Bên cạnh đó, các chủ đầu tư hầu hết đều chưa ứng dụng CNTT chuyên biệt cho công tác quản lý dự án (QLDA) đầu tư, đa phần vẫn dùng công cụ bảng tính Excel để tạo lập báo cáo, chưa có kết nối giữa chủ đầu tư với các ban QLDA cũng như chưa có kết nối giữa chủ đầu tư với cơ quan tài chính. Theo đó, việc triển khai Hệ thống quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản là cần thiết để nâng cao chất lượng quản lý dự án đầu tư sử dụng nguồn ngân sách nhà nước giúp lãnh đạo kịp thời đưa ra các quyết định chỉ đạo, điều hành; góp phần phục vụ công tác xử lý hồ sơ công trình, tin học hóa quy trình quản lý các dự án đầu tư, quản lý kế hoạch bố trí vốn đầu tư cho các công trình trên địa bàn tỉnh. Hệ thống sẽ tạo kênh thông tin để các đơn vị (bao gồm các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các ban quản lý dự án, điều hành dự án...) báo cáo số liệu liên quan đến việc đề xuất nhu cầu vốn, báo cáo tiến độ thực hiện, tiến độ giải ngân theo kế hoạch vốn được giao theo quy định.</p> <p>* Mục tiêu, quy mô:<br/> - Mục tiêu: Chuyển đổi số công tác quản lý dự án đầu tư từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án và kết thúc dự án. Hình thành một hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về quản lý dự án đầu tư thống nhất dùng chung trên phạm vi toàn tỉnh.<br/> - Quy mô: Hệ thống quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn được cài đặt tập trung trên máy chủ theo mô hình ứng dụng web &amp; mobile, đào tạo chuyển giao cho các đơn vị bao gồm: UBND các cấp; các cơ quan chuyên môn liên quan quản lý dự án đầu tư cấp tỉnh, cấp huyện; các chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị liên quan khác.</p> <p>* Dự kiến hiệu quả:<br/> - Trong công tác quản lý: Thống nhất một cơ sở dữ liệu tập trung; tự động hóa các quy trình công việc của tất cả các đối tượng liên quan; góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo liên quan đến các dự án đầu tư.<br/> - Doanh nghiệp (nhà thầu), tổ chức, cá nhân có thể tham gia hệ thống để cập nhật, theo dõi tiến độ thực hiện các hạng mục của công trình, dự án.<br/> * Hiện nay đã có một số tỉnh, thành phố đã triển khai xây dựng hệ thống trên, điển hình như: Khánh Hòa, Thái Nguyên.</p> |

**BIỂU CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHUYÊN ĐỔI SỐ MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị tính: đồng

| STT | Đơn vị                              | Tên nhiệm vụ   | Hình thức thực hiện | Thời gian thực hiện | Tổng nhu cầu kinh phí | Số kinh phí đề xuất phân bổ | Ghi chú                       |
|-----|-------------------------------------|--|---------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------------|-------------------------------|
|     | 2                                   | 3  |                     |                     | 4                     | 5                           | 6                             |
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>                    |  |                     |                     | <b>34.571.400.000</b> | <b>17.652.400.000</b>       |                               |
|     | <b>Sở Thông tin và Truyền thông</b> |  |                     |                     | <b>7.000.000.000</b>  | <b>700.000.000</b>          |                               |
| 1   |                                     | Dịch vụ thu thập, phân tích và quản trị đảm bảo an toàn thông tin  | Thuê                | 2024-2026           | 4.000.000.000         | 200.000.000                 |                               |
| 2   |                                     | Triển khai ứng dụng Công dân số Bắc Kạn  | Đầu tư              |                     | 3.000.000.000         | 500.000.000                 |                               |
|     | <b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>  |  |                     |                     | <b>9.257.000.000</b>  | <b>5.254.200.000</b>        |                               |
| 3   |                                     | Chuyển đổi hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của Sở Tài nguyên và Môi trường sang Ttrung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh                                   | Đầu tư              |                     | 6.257.000.000         | 3.754.200.000               |                               |
| 4   |                                     | Cập nhật dữ liệu, chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân do thay đổi thông tin về giấy chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Thuê                | 2024-2025           | 3.000.000.000         | 1.500.000.000               | Thuộc Kế hoạch số 278/KH-UBND |
|     | <b>Công an tỉnh</b>                 |  |                     |                     | <b>4.764.400.000</b>  | <b>4.456.200.000</b>        |                               |
| 5   |                                     | Mua sắm máy tính, máy in, máy scan phục vụ triển khai Đề án 06   | Đầu tư              |                     | 4.148.000.000         | 4.148.000.000               |                               |
| 6   |                                     | Đào tạo phục vụ triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06   | Đầu tư              |                     | 616.400.000           | 308.200.000                 |                               |
|     | <b>Sở Công Thương</b>               |  |                     |                     | <b>220.000.000</b>    | <b>77.000.000</b>           |                               |
| 7   |                                     | Nâng cao năng lực về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại   | Đầu tư              |                     | 220.000.000           | 77.000.000                  | Thuộc Kế hoạch số 278/KH-UBND |
|     | <b>Sở Nội vụ</b>                    |  |                     |                     | <b>8.330.000.000</b>  | <b>4.165.000.000</b>        |                               |
| 8   |                                     | Số hóa tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Bắc Kạn   | Thuê                | 2024-2025           | 8.330.000.000         | 4.165.000.000               | Thuộc Kế hoạch số 278/KH-UBND |
|     | <b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>        |  |                     |                     | <b>5.000.000.000</b>  | <b>3.000.000.000</b>        |                               |
| 9   |                                     | Hệ thống quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản  | Đầu tư              |                     | 5.000.000.000         | 3.000.000.000               |                               |